

Số: **451/2021/QĐST-HNGĐ**

K, ngày 03 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích U, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số 91/35/31, đường T, phường T, quận K, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Số 91/35/31, đường T, phường T, quận K, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Bích U và ông Nguyễn Thành D.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Bà Nguyễn Thị Bích U và ông Nguyễn Thành D thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà U và ông D chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 2/2008 ngày 29/8/2008 do UBND phường T, quận K, Thành phố H cấp cho bà U và ông D không còn giá trị pháp lý.

- *Về quan hệ con chung:* Bà U và ông D xác định có 02 con chung là Nguyễn Thành E, sinh ngày 26/7/2009 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 02/9/2012. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả 02 con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng/trẻ. Tổng cộng 2.000.000 đồng/tháng cho cả 02 trẻ. Đóng

vào ngày đầu tiên hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp bà U không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông D hoặc bà U hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà U có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà U, nếu ông D không thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- *Về tài sản chung*: Bà U và ông D xác nhận không có.

- *Về nợ chung*: Bà U và ông D xác nhận không có.

- *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng do bà U tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng bà U đã nộp theo Biên lai thu số 0071862 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K. Hoàn lại cho bà U số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu trên. Án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng do ông D chịu.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T, quận K, Thành phố H;
- Lưu HS,VP.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Trang